

Trường học Pháp - Việt trong thời kỳ 1920-1945 và sự hình thành tầng lớp nữ trí thức (Trường hợp hai trường nữ trung học Đồng Khánh và Áo Tím)

Thái Thị Ngọc Dư

Trung tâm Nghiên cứu Giới và Xã hội - Đại học Hoa Sen & INALCO Paris

Tóm tắt: Bài nghiên cứu đặt trọng tâm vào những lời chứng của các thế hệ cựu nữ sinh học tại hai trường Áo Tím (ở Sài Gòn) và Đồng Khánh (ở Huế) trong khoảng thời gian từ 1920 đến 1945, nhằm tìm hiểu những hồi ức và suy nghĩ của người học về quá trình trưởng thành của nữ sinh trong nền giáo dục Pháp - Việt. Tuy trường Pháp - Việt trong bối cảnh của một thuộc địa có những khiếm khuyết, nhưng với tinh thần gạn đục khơi trong, các cựu nữ sinh đã tiếp thu những giá trị nhân văn tốt đẹp của nền văn hóa Pháp, bồi đắp thêm tinh thần dân tộc và đã trưởng thành trong sự giao thoa của hai nền văn hóa Pháp - Việt. Với việc thành lập hệ thống trường Pháp - Việt, lần đầu tiên nữ giới Việt Nam được chính thức đi học, thành đạt và tham gia vào các hoạt động trí thức của xã hội. Lòng tự tin của các thế hệ nữ trí thức đầu tiên này đã được tăng cường với những nhận thức bước đầu về vị trí vai trò quan trọng của phụ nữ trong xã hội.

Từ khóa: Nữ sinh; Nữ trí thức; Giáo dục; Giáo dục Pháp-Việt; Giáo dục trung học; Trường học Pháp-Việt; Giai đoạn 1920-1945; Pháp ngữ; Giao thoa văn hóa; Đồng Khánh; Áo Tím.

1. Bối cảnh và cách đặt vấn đề

Nền giáo dục thời Pháp thuộc trong nửa đầu thế kỷ 20 đã góp phần đào tạo nên những thế hệ trí thức Việt Nam sau này phục vụ đất nước trong thời kỳ độc lập. Kết hợp tinh thần yêu nước truyền thống với những giá trị mới của nền giáo dục phương Tây như tư duy độc lập, sáng tạo, tư duy phản biện, những thế hệ trí thức mới này khát khao tìm độc lập cho đất nước và xây dựng một nước Việt Nam hiện đại, thoát khỏi mô hình xã hội phong kiến lạc hậu.

Trường học thời thuộc địa đã mở cửa tiếp nhận nữ sinh và trở thành một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ và tăng cường vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội Việt Nam. Trong hệ thống giáo dục ấy, những tư duy mới mẻ đã được truyền đạt và tiếp thu để góp phần hình thành bản sắc mới của đội ngũ trí thức có khả năng thấu hiểu sự phức tạp của những thách thức chính trị – xã hội của thời đại.

Hai địa bàn chính được chọn để nghiên cứu là Huế và thành phố Hồ Chí Minh với trường nữ Đồng Khánh⁽¹⁾ và Áo Tím⁽²⁾. Trọng tâm nghiên cứu là những năm học cao đẳng tiểu học⁽³⁾, tức khoảng 4 năm sau bậc tiểu học. Đề tài không đề cập đến bậc tiểu học vì cho rằng cấp học này chỉ mới là cấp phổ cập, chưa đủ điều kiện góp phần đào tạo nên những trí thức tương lai.

Nghiên cứu này đặt trọng tâm tìm hiểu nền giáo dục nhìn qua mắt người học: học sinh đã học được gì dưới mái trường thời Pháp? Sự tiếp thu và chuyển hóa kiến thức của người học đã trải qua một quá trình cá thể hóa và có những chuyển biến qua năm tháng. Quá trình cá thể hóa ấy còn chịu ảnh hưởng của môi trường gia đình và bối cảnh chính trị – xã hội mà trong đó người học sống và học tập. Việc mở mang kiến thức có giúp nữ sinh quan tâm nhiều hơn đến hoàn cảnh đất nước, đến mong ước về tương lai, nghề nghiệp của phụ nữ? Mặt khác, các phong trào yêu nước, phong trào văn hóa, xã hội thời ấy có là môi trường thuận lợi cho trường thành về nhân cách của nữ sinh?

Đề tài dựa chủ yếu vào các cuộc phỏng vấn cựu nữ sinh, cựu giáo viên và sưu tầm các tài liệu, hồi ký, tiểu sử nhân vật của các gia đình. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện 12 phỏng vấn sâu cựu nữ sinh Đồng Khánh, một cựu nữ sinh Marie Curie và 7 cựu nữ sinh trường Áo Tím. Các bà ở Áo Tím thuộc các khóa từ 1932 đến 1940, còn các bà ở Đồng Khánh thuộc các khóa trẻ hơn, từ 1940 đến 1945. Nhờ đó, nhóm nghiên cứu có điều kiện để so sánh và theo dõi diễn tiến trong khoảng thời gian 15 năm.

2. Giáo dục nữ sinh thời thuộc địa

Giáo dục ở thuộc địa phỏng theo mô hình giáo dục của Pháp. Theo Pascale Bezanon (2002), đạo luật ngày 28/3/1882, dưới thời Bộ trưởng Giáo dục Jules Ferry, là một cuộc cách mạng giáo dục lần thứ hai khi luật này ban hành giáo dục cưỡng bách cho cả trẻ trai lẫn trẻ gái từ 6 đến 13 tuổi. Jules Ferry ủng hộ giáo dục trẻ gái và mở nhiều trường cho nữ sinh. Chủ trương này không khỏi gặp sự chống đối từ nam giới, họ cho rằng nam giới có khả năng trí tuệ hơn nữ giới.

Giáo dục ở Pháp vào nửa sau thế kỷ 19 đã thay đổi sâu sắc, từ đặc điểm chỉ dành cho một số ít tinh hoa, cho nam sinh và mang tính tôn giáo đã mở rộng sang giáo dục cho đại chúng. Sự thay đổi này có ảnh hưởng đến quan niệm tổ chức giáo dục ở Đông Dương vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20.

Hệ thống giáo dục Pháp – Việt⁽⁴⁾ ở ba kỳ thừa hưởng những nguyên tắc của các đạo luật Jules Ferry được thiết lập trong những năm 1881 -1882: miễn phí, bắt buộc và phi tôn giáo/thế tục. Song song với hệ thống giáo dục Pháp hoàn toàn, hệ thống giáo dục Pháp-Việt được thiết lập tại Nam Kỳ năm 1879, tại Bắc Kỳ vào năm 1904 và tại Trung Kỳ năm 1906. Vì các trường ở Đông Dương theo mô hình các trường ở Pháp, nên nữ sinh cũng được đi học, và có những trường trung học dành cho nữ. Đối với nữ, đây là lần đầu tiên nữ giới được chính thức đi học, vì trong hệ thống giáo dục cũ, nữ không được đi học và đi thi.

Theo Trịnh Văn Thảo thì số nữ sinh đi học ngày càng tăng, dù chỉ chiếm 8% tổng số học sinh trong những năm 1918 – 1922. Điều này đã xóa tan những nghi ngờ về khả năng học tập của nữ sinh của một số viên chức Pháp vào cuối thế kỷ 19 (Trinh Van Thao, 1995:126).

Với ba trường nữ trung học công lập ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn (nay là tp. Hồ Chí Minh), số nữ sinh bậc cao đẳng tiểu học (còn gọi là bậc thành chung) đã tăng gấp ba lần từ 105 nữ sinh năm 1921 lên 343 năm 1931, nhưng có đến 4.496 nam sinh, nữ chỉ chiếm 7,6% tổng số học sinh, 70% số nữ sinh tập trung ở Nam Kỳ.

3. Nguồn gốc xuất thân của những người được phỏng vấn

Nhiều bà xuất thân từ gia đình nhà giáo, có cha, mẹ hay họ hàng làm nghề giáo. Truyền thống học tập của gia đình đã tạo điều kiện thuận lợi cho con gái đi học, vì cha mẹ đã ít nhiều tiếp thu kiến thức và những ý tưởng tiến bộ của nhân loại, nhất là hiểu rõ lợi ích của việc học cho con

traí cũng như con gái. Các bà mẹ ít học lại rất tha thiết với việc học của con, “sợ con dốt” (Bùi Thị Mè, 2001: 21).

Gia đình quan lại đồng thời là trí thức đã xây dựng một truyền thống học tập cho các thế hệ con cái, tiếp nối từ thời học chữ Hán qua thời học chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Dòng họ Nguyễn Khoa nổi tiếng có nhiều người học giỏi. Bà Đạm Phương rất quan tâm đến việc học của con, cháu gái. Bà cho rằng con gái phải học “*để cho có một nghề nuôi con sau này*”⁽⁵⁾

Không những người cha mà chính là các bà mẹ dù ít học rất tha thiết với việc học và tương lai nghề nghiệp của con gái, họ thấy việc học là một bệ phóng cho con gái có một nghề nghiệp sau này.

Các nữ sinh trường Áo Tím cũng thuộc tầng lớp trung lưu. Trừ một số rất ít nữ sinh con nhà nghèo thường phải bỏ học nửa chừng sau một, hai năm trung học, phần lớn các bà khi đi học rất hồn nhiên, không biết đến những nỗi lo lắng, thiếu thốn về đời sống vật chất. Có lẽ vì vậy mà trong ý ức của hầu hết các bà, thời học trung học luôn hiện ra với những kỷ niệm vui tươi, trong sáng, không gợn chút âu lo.

4. Trường học trong ký ức của cựu nữ sinh

Ngôi trường đem lại niềm tự hào cho nữ sinh

Thời đó nữ sinh nghỉ học khá nhiều sau lớp ba khi đã đậu bằng sơ học yếu lược. Bằng tiểu học đã giúp cho học sinh tìm được một số việc làm. Số nữ sinh học lên trung học giảm sút rất nhiều vì những lý do sau:

- Học sinh các tỉnh gặp khó khăn khi muốn học lên bậc thành chung vì chỉ có trường nữ ở Sài Gòn, Huế.

- Với quan niệm con gái không cần học nhiều, cha mẹ thường ưu tiên cho con trai đi học, nhất là việc học ở nơi xa khá tốn kém. Nữ sinh ở ngay tại Huế hay Sài Gòn cũng bị ảnh hưởng của tư tưởng trọng nam khinh nữ của cha mẹ, nên có người cũng dừng lại ở bậc tiểu học, rồi ở nhà phụ giúp cha mẹ buôn bán, sau đó là lấy chồng.

- Việc tuyển sinh vào trường rất khó, số học sinh được tuyển vào rất hạn chế, tùy theo khả năng tiếp nhận của trường.

Do đó, được là một trong số ít nữ sinh học trong một ngôi trường danh tiếng không chỉ của thành phố mà của cả một vùng rộng lớn, các nữ sinh đều hài lòng về điều kiện học tập và rất tự hào về ngôi trường của mình. Hồi ức của các cựu nữ sinh, qua phỏng vấn của chúng tôi hay nhiều kiến

thức, đồng thời được sống và học tập trong những điều kiện tốt nhất, mặc dù phải theo một khuôn phép kỷ luật đôi lúc họ cảm thấy khát khe.

Trường học dạy làm người và giao thoa văn hóa Pháp - Việt đã làm nên niềm tự hào của nữ sinh hai trường

Học sinh tiếp thu nội dung học tập qua chương trình học và chương trình ấy được các giáo viên truyền đạt đến học sinh. Ngoài ra, các hoạt động khác của nhà trường cùng với nội quy, kỷ luật rèn luyện học sinh cũng là một hợp phần quan trọng tham gia vào quá trình giáo dục. Kết quả tổng hợp của quá trình đào tạo không chỉ là kiến thức của từng môn học mà giáo viên muốn trang bị cho học sinh, mà còn là sự hình thành nhân cách, hệ thống các giá trị, phương pháp học tập và tư duy nơi người học.

Điều đọng lại sâu sắc trong nhận thức của nhiều nữ sinh là “*nhà trường dạy làm người*”⁽⁶⁾.

Vậy dạy làm người bao gồm những yếu tố gì? Theo bà Bùi Thị Mè, đó là: “*Giáo dục Pháp là giáo dục con người có đạo đức kỹ năng chứ không phải giáo dục người máy. Giáo dục từ mẫu giáo, cấp 1 đi lên là giáo dục con người, học theo Giáo khoa thư trong đó có luân lý, quốc văn*”.

Các bà đã rèn luyện được một đức tính quan trọng trong học tập và sau này trở thành tính cách của mình trong cuộc sống, đó là sự trung thực trong việc học, trong công việc và trong cuộc sống. Đó là sự tuân thủ kỷ luật không được chép bài của bạn, không chép tài liệu khi làm bài. Như vậy, trong suy nghĩ của các bà, những giá trị làm nên nhân cách con người mà nhà trường đã đem lại là tinh thần trách nhiệm, lòng trung thực, tình yêu tổ quốc, yêu gia đình, tình đoàn kết, tương trợ, tính kỷ luật, phép lịch sự trong cư xử với người khác.

Dạy làm người còn có khía cạnh đặc thù đối với nữ sinh, đó là những kiến thức giữ gìn vệ sinh phụ nữ, về quá trình thụ thai, cách nuôi con, cách ăn mặc lịch sự, kín đáo, cách đi đứng nhẹ nhàng, cách quản lý gia đình.

Đó là kiến thức chăm sóc trẻ trong môn dưỡng nhi, hiểu biết về bệnh tật và cách phòng ngừa; kỹ năng khâu vá, nấu ăn và dinh dưỡng trong môn nữ công gia chánh. Các cựu nữ sinh trường Áo Tím cũng như trường Đồng Khánh đều cho rằng những kiến thức này đã theo các bà khi đã trưởng thành và rời xa nhà trường, giúp cho các bà biết cách chăm sóc con.

Một cựu nữ Đồng Khánh cho biết trong suốt thời gian đi kháng chiến, di chuyển qua nhiều nơi, bà luôn giữ bên mình quyển lưu bút của bạn bè

và thầy cô và quyển *Ecole du bonheur* là sách dạy quản lý gia đình, cách nuôi con rất chi tiết.

Pháp ngữ góp phần khơi dậy nhận thức về các giá trị nhân văn và lòng yêu nước nơi học sinh

Phần lớn các cựu nữ sinh mà chúng tôi phỏng vấn đều tham gia kháng chiến chống Pháp từ năm 1945 hoặc trước đó một vài năm, sau đó tập kết ra Bắc và đã làm công việc chuyên môn của mình trên đất Bắc và tiếp tục công tác ở miền Nam sau năm 1975. Những người không tham gia kháng chiến và đã luôn sống ở miền Nam rất ít trong mẫu phỏng vấn của chúng tôi.

Vậy việc học ở trường Pháp – Việt đã giúp ích hay đã cản trở sự dần thân của các bà? Có gì mâu thuẫn giữa tiếp thu văn hóa Pháp và ý thức chống Pháp để giành độc lập cho đất nước? Tại sao những nữ sinh yêu nước tham gia kháng chiến chống Pháp vẫn đánh giá cao nền giáo dục Pháp – Việt?

Cần lưu ý đến bối cảnh chính trị xã hội của thời kỳ 1930 – 1945. Người Pháp đã hoàn thiện bộ máy cai trị tại cả ba kỳ, và ở nhiều mức độ cao thấp khác nhau, dần chúng đã nhận thức được sự thống trị của người Pháp. Các hoạt động yêu nước của hai nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh cũng đã gây tiếng vang trong nhiều tầng lớp xã hội. Thế hệ các nữ trí thức những năm 1920 – 1930 ở Huế đã có dịp tiếp xúc với Phan Bội Châu, với bà Đàm Phương, và đã có những hành động yêu nước.

Các hoạt động bí mật của phong trào Việt Minh đã phát triển ở thành thị, đã có những mầm mống tổ chức trong học sinh. Thêm vào đó là chương trình Pháp – Việt có dạy tiếng Việt và lịch sử Việt Nam ngay từ năm thứ nhất và năm thứ hai bậc cao đẳng tiểu học, tuy rất ít giờ. Nhờ đó, nữ sinh có hiểu biết về lịch sử nước nhà, biết về những thời kỳ đất nước mất độc lập, và với thực tế trước mắt, các bà đã hiểu ra tình trạng đất nước bị Pháp đô hộ. Ngoài ra, một số bà thừa hưởng tinh thần yêu nước và gương dẫn thân của các thế hệ cha ông trong gia đình.

Học văn hóa và lịch sử nước Pháp với tinh thần “gạn đục khơi trong”

Nhiều lời chứng ở trường Áo Tím cũng như ở Đồng Khánh đã cho thấy các bà đã ghi nhớ những điều tốt đẹp, những giá trị nhân văn phổ quát khi học văn chương và lịch sử Pháp. Các bà lại đối chiếu với hoàn cảnh bị lệ thuộc của Việt Nam, nhận ra rằng xã hội và người dân Việt không được hưởng những giá trị nhân bản ấy.

Nhiều bà đã nói đến niềm hăng say khi học lịch sử cách mạng 1789 của Pháp, hiểu ra rằng chính những giá trị “tự do, bình đẳng, bác ái” đã làm nên một nước Pháp văn minh, dân chủ. Họ hiểu ra rằng đó là những quyền căn bản của mọi dân tộc. Trong lúc đó Việt Nam lại là thuộc địa của Pháp và không được hưởng những quyền ấy. Các bà nhận ra đó là một điều bất công đối với dân tộc Việt Nam. Khi học về Jeanne d’Arc, các bà liên tưởng và so sánh với tinh thần quật khởi của Bà Trưng, Bà Triệu.

Được học nhiều giờ văn chương Pháp, nhiều bà đã say mê văn học Pháp. Qua những giờ học tiếng Pháp, các bà đã cảm nhận được những tư tưởng phóng khoáng, lòng nhân đạo trong các truyện của Victor Hugo, lòng can đảm, tình cảm lãng mạn, tình yêu quê hương đất nước.

Nhận định sau đây của bà Nguyễn Ngọc Nghi có thể khái quát tâm ảnh hưởng to lớn của những giá trị văn hóa: “*Thế mới biết sức mạnh của một nền văn hóa đẹp đẽ đã vượt qua ý đồ bọn thực dân mở trường để làm lóa mắt học sinh bằng cái vĩ đại của “mẫu quốc” nhằm thu phục những tay sai dễ bảo*” (Nguyễn Ngọc Nghi, 2002: 20).

Học sinh đã có tinh thần phê phán, phản biện những điều đã học, chủ yếu liên quan đến lịch sử của Việt Nam. Khá nhiều cựu nữ sinh, ngay trong khi học, đã phản ứng khi phải học câu “Tổ tiên chúng ta là người Gô Loa”. Hoặc thắc mắc, không chấp nhận khái niệm “mẫu quốc”.

Ngoài ra, các cựu nữ sinh còn nêu ra những nhược điểm khác của trường Pháp - Việt như trường xa rời thực tế cuộc sống, nữ sinh không biết gì về cuộc sống cuộc sống cực khổ, lầm than của dân nghèo dưới chế độ thực dân, coi thường lao động chân tay, chưa nhận thức được vai trò của người nông dân, công nhân. Chương trình có tính chất nhồi sọ, thực dân: bắt học rất nhiều thứ của nước Pháp (sử, văn) trong khi đó chỉ học 2 giờ/tuần văn học Việt Nam. Sử, địa Việt Nam chỉ học được ở cấp tiểu học. May nhờ có các cô giáo Việt Nam dạy văn đã thổi lòng yêu nước vào các bài giảng. Có sự phân biệt đối xử về lương giữa giáo viên người Việt và giáo viên người Pháp.

Nữ sinh Đông Khánh thích học môn nữ công gia chánh, dưỡng nhi, nhạc

Nếu như môn tiếng Pháp hay môn toán chỉ được một số nữ sinh giỏi môn ấy nhắc đến, thì hầu hết nữ sinh Đông Khánh đều nói rất thích môn nữ công gia chánh, dưỡng nhi, đều nhắc đến những giờ học nhạc, họa. Họ nhớ rõ hơn những môn “phụ” này mà theo họ đó là những môn giúp hoàn thiện con người.

Như vậy, những gì còn đọng lại từ việc học ở trường không nhất thiết là những môn học sinh học nhiều giờ. Những môn học ít giờ nhưng có lợi ích thiết thực cũng được dạy và học nghiêm chỉnh, được học sinh tiếp thu tốt và lưu giữ lâu dài trong ký ức.

Học sinh trường Áo Tím ngưỡng mộ và học tập rất nhiều từ các giáo viên người Việt

Tại hai trường có nhiều giáo viên người Pháp và có một số giáo viên người Việt. Các giáo viên người Việt trước cũng học ở Đồng Khánh hay Áo Tím, sau đó học lên cao, học sư phạm và về dạy lại tại trường. Đặc biệt có cô Nguyễn Thị Châu dạy sử - địa ở trường Áo Tím đã học cử nhân tại Pháp. Trừ môn tiếng Việt, các giáo viên người Việt cũng dạy các môn khoa học, sử - địa bằng tiếng Pháp.

Bà Phan Thị Cửa dạy Việt văn ở trường Áo Tím được học sinh yêu mến vì tính tình nhân hậu, thương học trò, và nhất là đã truyền đạt đến học trò lòng yêu nước qua những bài giảng Việt văn.

“Khi chúng tôi đọc xong một bài văn, cô bình luận về Tây, về Ta, về cổ về kim rất sâu. Cô nêu mặt trái của chế độ thuộc địa làm dân cơ cực lâm than. Cô nêu bật lên những gương ái quốc, lễ nghĩa sâu đậm ở nông thôn và thành thị của tầng lớp nghèo khổ và một số nhà trí thức yêu nước” (Phan Thị Thương, 2002:168).

Ở trường Đồng Khánh cũng như ở trường Áo Tím, một số giáo viên người Việt, tuy đã được đào tạo trong nền giáo dục Pháp, đã thể hiện lòng yêu nước của người trí thức trong hoàn cảnh đất nước bị đô hộ. Cô Ngô Thị Chính, cô Võ Thị Thể ở Đồng Khánh cũng có những hành động tương tự. Nhưng không phải tất cả giáo viên đều có ý thức chính trị cao như vậy, những người có thái độ “phi chính trị” hơn vẫn được học sinh quý mến vì kiến thức, năng lực sư phạm của họ, vì tình thương của họ đối với học sinh. Phần lớn nữ sinh Áo Tím đều nhắc tới cô Châu dạy sử - địa với lòng yêu mến và khâm phục vì cô giảng bài bằng tiếng Pháp rất lưu loát, có phương pháp giảng dạy hiệu quả.

Hồi ức về các giáo viên người Pháp với lòng yêu mến

Các bà ở hai trường còn nhớ rõ một số giáo viên người Pháp, kể cả các bà tổng giám thị, giám thị, và tất nhiên là cả các giám thị người Việt.

Những suy nghĩ được tất cả cựu nữ sinh chia sẻ, trong khi đang học cũng như ngày nay nhớ lại, là các giảng viên người Pháp dạy rất giỏi nhờ đã được đào tạo đạt trình độ đáp ứng yêu cầu của công việc. Mỗi giảng viên có phong cách, phương pháp giảng dạy riêng, có người nghiêm, hơi

xa cách học trò, có người vui vẻ, gần gũi, nhưng mọi người đều thừa nhận phương pháp dạy thích hợp, giúp cho học sinh tiếp thu và nắm giữ kiến thức một cách vững chắc. Các giáo viên dạy các môn khoa học như toán, lý hóa, vạn vật rất giỏi, học sinh lại được thực tập ở phòng thí nghiệm.

Các bà có ý kiến rằng tuy giáo viên người Pháp làm việc trong bộ máy của thực dân Pháp nhưng họ là những nhà giáo dục, tuân thủ những nguyên lý của nền giáo dục Pháp, một nền giáo dục vì sự công bằng, tiến bộ, và khoa học mà họ đã tiếp nhận được. Là người trí thức, họ có suy nghĩ độc lập và nuôi dưỡng những giá trị riêng, không để chính trị xen vào giáo dục. Về phía người học, họ cũng không để quan điểm chính trị của mình ảnh hưởng đến việc đánh giá thầy cô, đến tình cảm thầy trò vì các giáo viên người Pháp không hề nói chính trị trong lớp mà hoàn toàn tận tâm với nghiệp dạy, với học trò của mình.

Lời tựa của tập sách “Áo Tím trên mọi nẻo đường” cũng ghi nhận: *“Tình thầy trò không bị nhuộm màu sắc chính trị của thực dân, cũng đậm đà sâu sắc”* (Nhiều tác giả, 2002: 8).

Các nữ sinh được các giáo viên người Pháp đối xử như những người lớn, khiến các bà cảm thấy được tôn trọng và các bà cũng học tập theo cách cư xử văn minh ấy. Ví dụ giáo viên gọi học sinh là “Mademoiselle”. Hoặc bà Ravinetti ở trường Áo Tím, mỗi lần hỏi bài học sinh xong và trả vở đều nói: “Je vous remercie” (Nhiều tác giả, 2002 :92). Nhiều giáo viên người Pháp biểu lộ tình thương đối với học sinh như dẫn học sinh đi viếng bạn không may qua đời⁽⁷⁾ hay giúp học bổng cho học trò nghèo (Đặng Thị Bảy, 2002: 25).

Tuy nhiên, không phải tất cả các giáo viên người Pháp đều tử tế với học sinh, một số ít người có đầu óc thực dân, mắng học sinh là “Sale Annamite, idiote!” Các học sinh Nguyệt Tú (sau này là nhà văn), Phương Thảo đã phản đối: *“Các vị không được xúc phạm chúng tôi!”*.

Ngoài một vài hạt sạn nêu trên, phần lớn học sinh đều giữ những kỷ niệm tốt đẹp về các cô giáo người Pháp thời ấy.

Nhà trường Pháp - Việt đã đào tạo nên tầng lớp nữ trí thức đầu tiên của thời kỳ hiện đại

Thế hệ các bà cựu nữ sinh vào khoảng những năm 1920 trở đi thì số nữ sinh học bậc cao đẳng tiểu học (trung học đệ nhất cấp) đã gia tăng, tuy vẫn còn rất ít so với dân số nữ trong độ tuổi, nhưng cũng đủ để hợp thành một tầng lớp phụ nữ có trình độ học vấn tốt xuất hiện ngày càng nhiều trong các hoạt động nghề nghiệp trong xã hội từ trong Nam ra ngoài Bắc.

Vào thời ấy, tốt nghiệp thành chung xong nữ sinh có thể học một năm sư phạm, cũng tại trường Đồng Khánh và Áo Tím, thì ra trường dạy tiểu học. Hoặc nữ sinh có thể ra Hà Nội học trường nữ hộ sinh. Cũng có trường hợp nữ sinh tốt nghiệp thành chung được bổ nhiệm làm giáo viên tiểu học ngay, không qua trường lớp sư phạm. Hai trường này không có bậc trung học, muốn học thì qua trường Pétrus Ký (Sài Gòn) hoặc trường Quốc Học (Huế) học chung với nam sinh. Do đó chỉ một số rất ít nữ sinh học lên trung học, và càng ít người học đại học. Trường Quốc Học bắt đầu có ban tú tài từ niên học 1936-1937, nghĩa là thêm ba lớp tương đương với các lớp 10, 11 và 12 ngày nay. Bà Nguyễn Khoa Diệu Hồng, sau này là Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đã học năm cuối ban tú tài ở trường Quốc Học và sau đó được bổ về dạy ở trường Đồng Khánh.

Không có trường nữ bậc trung học chỉ là một yếu tố, lý do khiến nữ sinh ngừng học ở bậc thành chung là vào thời ấy, ngay cả nam sinh thuộc gia đình trung lưu, thì với mảnh bằng thành chung, học sinh đã có thể thi tuyển vào các vị trí công chức của nhiều ngành nghề để đi làm ngay, từ dạy học, đến lục sự tòa án, thư ký hành chánh, hỏa xa, bưu điện... Đối với nhiều gia đình, nữ giới học đến thành chung là thuộc hàng có trình độ học vấn cao, họ có thể đi dạy, làm công việc trí óc. Họ còn cần phải lập gia đình nữa.

Như vậy, trong xã hội Việt Nam cho đến những năm 1940, những người có bằng thành chung còn rất ít ỏi được xem là thành phần trí thức, tinh hoa của gia đình và xã hội. Qua các cuộc phỏng vấn cũng như hồi ký của 52 bà nữ sinh trường Áo Tím và các bài rải rác của cựu nữ sinh Đồng Khánh, phần lớn các bà trở thành giáo viên, giảng viên đại học, hoặc đi vào ngành y làm nữ hộ sinh, bác sĩ, làm ngành ngoại giao, chuyên gia kinh tế, nhà văn, văn công, và các ngành khác theo sự phân công của nhà nước. Những bà tập kết ra Bắc đều trở thành cán bộ trung, cao cấp. Nói chung, trừ một số ít bà ở nhà hoặc buôn bán, công việc của tất cả các bà là công việc trí óc.

5. Kết luận

Như đã nêu trên, do sự tình cờ tiện lợi, phần lớn các cuộc phỏng vấn của chúng tôi cũng như những hồi ký, bài viết mà chúng tôi tiếp cận được xuất phát từ những cựu nữ sinh hai trường Áo Tím và Đồng Khánh mà sau khi rời trường lại tham gia kháng chiến và tập kết ra Bắc, thành danh trong một chế độ đối kháng với chế độ thực dân. Nhưng những người này đều đánh giá cao nền giáo dục Pháp - Việt, (mặc dù chính phủ Pháp cho rằng

giáo dục Pháp - Việt ở Đông Dương kém chất lượng), đó là một bằng chứng về tác dụng tích cực của nền giáo dục Pháp - Việt.

Việc được học lên trung học càng có ý nghĩa đối với nữ giới, họ đã trở thành những phụ nữ tự tin vào khả năng của mình, cả trong việc quản lý gia đình lẫn trong công việc. Họ thuộc về những thế hệ đầu tiên chứng minh cho xã hội Việt Nam thấy nữ giới hoàn toàn có khả năng học tập để có một nghề trí óc và có một chỗ đứng xứng đáng trong xã hội. Với cơ cấu ngành nghề còn đơn giản, xã hội Việt Nam thời ấy rất nể trọng nghề dạy học. Nhiều cựu nữ sinh đã trở thành nhà giáo và do đó đã thay đổi quan niệm của xã hội đối với phụ nữ, xã hội trân trọng tài năng và đức độ của họ.

Bậc học thành chung đã là một bệ phóng cho họ vào đời hoặc học cao hơn nữa để trở thành tinh hoa của trí thức. Thành công của họ còn tạo thêm niềm tin và hoài bão cho các thế hệ nữ giới trẻ hơn, trở thành tấm gương cho giới trẻ noi theo.

Nếu so với ngày nay, khối lượng kiến thức mà các bà được học ít hơn rất nhiều. Nhưng có lẽ nhờ học ít mà các bà lại nhớ nhiều, nhớ lâu và nhớ những điều chính yếu. Một nhận xét chung của nhóm nghiên cứu là tinh thần, sự hòa quyện của các môn học, cách tổ chức và sinh hoạt trong nhà trường đã góp phần xây dựng nên nhân cách và những đức tính như kỷ luật, cẩn thận, sáng tạo, chuyên cần, tinh thần khoa học và những hiểu biết cần thiết cho người phụ nữ ở mọi thời đại.

Theo nhà nghiên cứu Dominique Rolland⁽⁸⁾, giáo dục ở Pháp từ thế kỷ 19 là một nền giáo dục tiến bộ, khoa học và hiện đại, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi tầng lớp xã hội tiếp cận với kiến thức. Nền giáo dục ấy đấu tranh chống lại những bất bình đẳng về kinh tế và xã hội. Chính quyền thuộc địa Pháp muốn chuyển tải những nguyên lý ấy vào nền giáo dục thuộc địa những với một mục đích cụ thể là đào tạo những viên chức phục vụ cho bộ máy hành chính và kinh tế thuộc địa. Do đó, giáo dục được tổ chức theo hình tháp, rộng ở cấp thấp và đào tạo tinh hoa ở những bậc cao hơn.

Mặc dù vậy, giáo viên tại thuộc địa là những trí thức đã được giáo dục trong nền giáo dục khai phóng của Pháp, đã thấm nhuần những tư tưởng tiến bộ, có ý thức về sự tự do của mình nên đã có những cách hành xử nhân văn trong nhà trường. Giới trẻ Việt Nam thời ấy, với tinh thần gạn đục khơi trong, đã tiếp thu được những tư tưởng tiến bộ của nhân loại và đến lượt họ, họ đã thể hiện ý thức tự do tư tưởng, nuôi dưỡng tinh thần yêu

nước ngay trong lòng nhà trường thuộc địa.■

Chú thích

⁽¹⁾ Sau năm 1975 được đổi tên thành trường Trưng Trắc trong một thời gian ngắn rồi thành trường Hai Bà Trưng, tiếp nhận cả nam sinh.

⁽²⁾ Đổi tên là trường Gia Long vào năm 1953, và sau năm 1975 đổi tên thành trường Nguyễn Thị Minh Khai, tiếp nhận cả nam sinh.

⁽³⁾ Tương đương với trung học đệ nhất cấp ở miền Nam trước 1975, hoặc tương đương với cấp II hiện nay.

⁽⁴⁾ Enseignement franco-indigène.

⁽⁵⁾ Phỏng vấn bà Nguyễn Khoa Diệu Biên, ngày 8/8/2009.

⁽⁶⁾ Phỏng vấn bà Bùi Thị Mè, ngày 5/7/2010.

⁽⁷⁾ Phỏng vấn bà Nguyễn Khoa Diệu Biên, ngày 8/8/2009.

⁽⁸⁾ Bài giảng tại lớp tập huấn về trường học Pháp-Việt tại Đại học Hoa Sen, 2009.

Tài liệu trích dẫn

Bezancon Pascale. 2002. *Une colonisation éducatrice? L'expérience indochinoise, 1860 - 1945*. L'Hamattan, 474 pages.

Bùi Thị Mè. 2001. *Kể chuyện đời mình*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đặng Thị Bảy. 2002. Trong: Nhiều tác giả. 2002. *Áo Tím trên các nẻo đường đất nước*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.25.

Nguyễn Ngọc Nghi. 2002. Trong: Nhiều tác giả. 2002. *Áo Tím trên các nẻo đường đất nước*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.2.

Nhiều tác giả. 2002. *Áo Tím trên các nẻo đường đất nước*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phan Thị Thương. 2002. Trong: Nhiều tác giả. 2002. *Áo Tím trên các nẻo đường đất nước*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 168.

Trinh Van Thao. 1995. *L'Ecole française en Indochine*. Editions Karthala, Paris, 321 pages.